

Bản án số: 91/2020/HSST
Ngày 18 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quản Hữu Chiến

Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khiển, ông Sa Văn Khuyên, bà Trần Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Cương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 97/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thái B, tên gọi khác: Không, sinh ngày 25/9/1977. Nơi cư trú: Bản C, phường CA, thành phố S, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Đảng phái đoàn thể: không; Con ông: Nguyễn Quốc Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị CX; vợ là Hà Vinh H1 (đã ly hôn) và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 183/2008/HSST ngày 03/11/2008, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc (Đã được xóa án tích); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/01/2020 đến nay, có mặt.

- Người bị hại:

+ Ông Trần Huy K, sinh năm: 1964. Nơi ĐKKHKT: Tiểu khu 13, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Chỗ ở hiện nay: Bản NB 1, xã MS, huyện MC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Anh Nguyễn Việt H, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Tiểu khu 77 (nay là tiểu khu 19/5), huyện MC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Ông Lầu A P, sinh năm: 1976. Nơi cư trú: Bản BNh 2, xã VH, huyện V, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Ông Phạm Văn S, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Tổ 4, phường CS, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Ông Phạm Ngọc A, sinh năm: 1974. Nơi cư trú: Tổ 7, phường CL, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Bùi Xuân C, sinh năm: 1972. Nơi cư trú: Tổ 9, phường CL, thành phố S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Công ty X. Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Hoa Anh Đào, số 45, phố GL, tổ 3, phường QT, thành phố S, tỉnh Sơn La. Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn C1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Có mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Lâu A Thào, sinh năm: 1996. Nơi cư trú: Bản Bó Nhàng 2, xã VH, huyện V, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước năm 2018, Nguyễn Thái B có chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10 biển kiểm soát 26A-042.37 góp cổ phần vào Công ty X, có trụ sở thuê tại tầng 7, Khách sạn Hoa Anh Đào, số 45, phố GL, tổ 3, phường QT, thành phố S. Công ty được cấp giấy phép kinh doanh ngành nghề vận tải hành khách bằng xe taxi. Sau khi Đậu Xuân Tr là Giám đốc Công ty X bị bắt về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Công ty cơ cấu lại nhân sự. Ngày 10/01/2018, Nguyễn Thái B được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Do kinh doanh thua lỗ và vay nợ cá nhân nhiều dẫn đến mất khả năng thanh toán, trong khoảng thời gian từ tháng 02/2018 đến tháng 5/2019, Nguyễn Thái B đã nảy sinh ý định và thực hiện hành vi nhân danh Công ty X, ký đóng dấu Công ty làm hợp đồng góp vốn, hợp đồng thuê xe của một số cá nhân sau đó bán, cầm cố lấy tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân.

1. Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Trong thời gian từ tháng 7/2018 đến tháng 5/2019, Nguyễn Thái B đã dùng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt của 03 bị hại, tổng số tiền 388.000.000 đồng. Cụ thể:

Trường hợp thứ nhất: Chiếm đoạt của ông Trần Huy K, sinh năm 1964, trú tại tiểu khu 13, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Sơn La 133.000.000 đồng:

Ngày 17/7/2018, B hỏi vay ông K 133.000.000 đồng nhưng ông K yêu cầu phải có tài sản thế chấp nên B nghĩ ra thủ đoạn lập hợp đồng giả. B đã lập Hợp đồng số 36/2018-HĐGV ngày 17/7/2018 giữa Công ty X với ông Trần Huy K, nội dung bán cho ông K chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand i10, biển kiểm soát 26A-039.47 (là xe của ông Phạm Ngọc A, sinh năm 1974, trú tại Tổ 7,

phường CL, thành phố S, góp vốn vào Công ty X và đang cho Nguyễn Thái B thuê sử dụng) bằng hình thức cho ông K góp vốn vào Công ty chiếc xe đó. B lấy danh nghĩa Giám đốc Công ty ký Hợp đồng, đưa ông K giữ. Ông K đồng ý nhận góp vốn bằng chiếc xe ô tô trên. Nguyễn Thái B đến nhà ông K, cùng ký Hợp đồng và thỏa thuận nếu sau 01 tháng B không trả tiền thì chiếc xe ô tô 26A-039.47 sẽ thuộc quyền sở hữu của ông K. Cùng ngày, Nguyễn Thái B đã 03 lần nhận tiền của ông Trần Huy K đủ 133.000.000đ (một trăm ba mươi ba triệu đồng). Sau đó, B sử dụng chi tiêu cá nhân hết, nhiều lần ông K đòi tiền nhưng B không trả.

Trường hợp thứ hai: chiếm đoạt của anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1992, trú tại tiểu khu 77 (nay là Tiểu khu 19/5), huyện MC 200.000.000đ:

Khoảng cuối tháng 7/2018, B nói với ông H (khi đó đang là lái xe của Công ty, hoạt động trên địa bàn MC) cần bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand il0 biển kiểm soát 26A-039.47, ông H đồng ý mua với giá 200.000.000 đồng, sau đó làm hợp đồng góp vốn cho Công ty thuê lại. Ngày 08/8/2018, bằng thủ đoạn tương tự như đối với ông Trần Huy K, Nguyễn Thái B lập Hợp đồng số 43/2018-HĐGV giữa Công ty X với anh Nguyễn Việt H, nội dung bán phần vốn góp vào Công ty X chiếc xe ô tô trên với giá 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Sau khi nhận được tiền, B sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân. Sau khi ông H phát hiện chiếc xe trên là của ông Phạm Ngọc A đã liên hệ với B đòi lại tiền nhưng B không trả.

Trường hợp thứ ba: Chiếm đoạt của ông Lâu A P, sinh năm 1976 trú tại bản BNh, xã VH, huyện V 55.000.000 đồng:

Ngày 04/5/2019, con trai ông P là Lâu A D bị Công an huyện V bắt quả tang hành vi liên quan đến tội phạm về ma túy, vật chứng bị tạm giữ 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 26A-072.98, nhãn hiệu Hyundai Accent. Ngày 05/5/2019, ông Lâu A T1 (anh trai Lâu A D) gặp Sòng A D1, sinh năm 1991, trú tại bản LX, xã LL, huyện V (là bạn của D), nhờ D1 tìm người xin giúp chiếc xe cho gia đình. Được D1 giới thiệu, ông T1 đã điện thoại gặp B nhờ xin xe. B yêu cầu gia đình ông T1 đưa 80.000.000 đồng để xin xe, do không có tiền nên ông T1 không đồng ý. Ngày 06/5/2019, B tiếp tục gọi điện thoại, yêu cầu gia đình ông T1 đưa 55.000.000 đồng để xin xe, ông T1 đồng ý. Ngày 07/5/2019, B điều khiển xe ô tô từ thành phố S xuống huyện V, viết giấy nhận của ông Lâu A P 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng). Sau đó, B không liên hệ xin xe mà sử dụng số tiền đã nhận để chi tiêu cá nhân.

2. Hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

Trong thời gian từ tháng 02/2018 đến tháng 01/2019, Nguyễn Thái B đã nhận tiền, tài sản của 03 bị hại, sau đó thực hiện hành vi gian dối, chiếm đoạt, tổng giá trị 378.483.125 đồng. Cụ thể:

Trường hợp thứ nhất: Chiếm đoạt của ông Trần Huy K (bị hại trong vụ lừa đảo chiếm đoạt 133.000.000 đồng nêu trên) 62.483.125 đồng:

Ngày 07/02/2018, ông K ký hợp đồng mua của B một chiếc xe taxi biển kiểm soát 26A-042.37 (là tài sản cá nhân của B nhưng đăng ký tên Công ty X) bằng hình thức góp vốn kinh doanh vào Công ty với giá 370.000.000đ (ba trăm bảy mươi triệu đồng). Ông K trả trước 220.000.000 đồng, còn lại 150.000.000 đồng ông K thực hiện trả góp hàng tháng cho Công ty X vì thời điểm đó, chiếc xe đang thế chấp vay tiền tại Ngân hàng Z; đến khi trả đủ gốc và lãi, Công ty sẽ đề nghị Ngân hàng làm thủ tục xóa thế chấp chiếc xe cho ông K. Từ tháng 02/2018 đến tháng 8/2018, Nguyễn Thái B đã 08 lần thu tiền trả nợ góp của ông K, tổng số 77.161.250đ. Trong đó, có hai lần (vào tháng 05/2018 và tháng 06/2018) B sử dụng tiền thu được của ông K, tổng là 14.678.125 đ, chi phí vào hoạt động chung của Công ty nhưng không trả nợ cụ thể cho phần nợ do thế chấp chiếc xe ô tô của ông K đã mua. Số tiền còn lại 62.483.125 đồng, B sử dụng chi tiêu cá nhân. Tháng 9/2018, ông K phát hiện B nhận tiền của mình nhưng không nộp vào Công ty để trả nợ Ngân hàng nên đã đòi tiền nhưng B không trả.

Trường hợp thứ hai: Chiếm đoạt của ông Phạm Văn S, sinh năm 1960, trú tại Tổ 4, phường CS, thành phố S 110.000.000 đồng:

Ngày 31/5/2018, Nguyễn Thái B ký biên bản làm việc với ông S, thỏa thuận nội dung B sẽ đứng ra nhận tiền của ông S để trả góp Ngân hàng cho phần nợ do ông Đậu Xuân Trường (Giám đốc cũ của Công ty) đã thế chấp chiếc xe ô tô biển kiểm soát 26A-026.45 của ông S để vay tiền tại Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Sơn La. Từ ngày 31/5/2018 đến ngày 23/01/2019, ông Phạm Văn S đã 07 lần đưa tiền cho Nguyễn Thái B tổng cộng 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng). Mỗi lần giao tiền đều đưa trực tiếp, B viết nội dung biên nhận vào phía sau biên bản làm việc do ông S giữ. Sau khi nhận tiền của ông S, B chỉ trả nợ ngân hàng một lần 20.000.000 đồng, còn lại 110.000.000 đồng, B sử dụng chi tiêu cá nhân. Đến khoảng tháng 02/2019, ông S phát hiện B không trả nợ ngân hàng như thỏa thuận nên đòi lại tiền nhưng B không trả.

Trường hợp thứ ba: Chiếm đoạt của ông Phạm Ngọc A, sinh năm 1974, trú tại Tổ 7, phường CL, thành phố S chiếc xe ô tô Hyundai Grand i10 biển kiểm soát 26A-039.47 trị giá 206.000.000 đồng:

Ngày 02/02/2018, Nguyễn Thái B lấy danh nghĩa Giám đốc Công ty, ký Hợp đồng số 19/2018/HĐTX-CTCP với ông Phạm Ngọc A, thỏa thuận thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10, biển kiểm soát 26A-039.47 là tài sản của ông Phạm Ngọc A nhưng đăng ký tên Công ty X, đang thế chấp tại Ngân hàng Y vay số tiền 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) để sử dụng cá nhân, giá thuê xe 7.000.000 đ (bảy triệu đồng)/ tháng. Ngày 28/12/2018, B bán chiếc xe trên cho ông Bùi Xuân C, sinh năm 1972, trú tại tổ 9, phường L, thành phố S với giá 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng) mà không có giấy đăng ký xe, hai bên có ký hợp đồng mua bán xe. Đến tháng 9/2019, ông Ngọc A phát hiện B bán xe cho ông C nên đã gặp, trao đổi thỏa thuận với ông C, thống nhất ông Ngọc A đưa cho ông C 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)

để nhận lại chiếc xe trên. Hiện ông Ngọc A đã trả nợ ngân hàng, lấy giấy tờ xe và làm thủ tục chuyển đăng ký sang tên Phạm Ngọc A và đang quản lý, sử dụng.

Kết quả định giá tài sản: Căn cứ Yêu cầu định giá số 07/CSHS ngày 07/01/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC02) Công an tỉnh Sơn La về việc yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe ô tô BKS 26A-039.47 vào thời điểm Nguyễn Thái B bán cho ông C(tháng 12/2018). Ngày 15/01/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự ban hành kết luận số 02/KL-HĐĐG, chiếc xe trị giá 206.600.000 đồng (hai trăm linh sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng)

Kết quả giám định: Căn cứ Quyết định trưng cầu giám định số 41/QĐ-CSHS ngày 08/01/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC02) Công an tỉnh Sơn La về chữ viết, chữ ký trên các mẫu giám định là Hợp đồng góp vốn số 19/2018-HĐGV biên bản bàn giao xe, hợp đồng thuê xe lập ngày 02/02/2018, giữa ông Phạm Ngọc A với Công ty X; Hợp đồng góp vốn số 36/2018-HĐGV, biên bản bàn giao xe, hợp đồng thuê xe số 31/2018/HĐTX-CTCP lập ngày 17/7/2018 giữa ông Trần Huy K với Công ty X; Giấy vay tiền nội dung ông Nguyễn Thái B có vay của ông Trần Huy K số tiền 133.000.000đ, hạn đến ngày 17/7/2019 sẽ hoàn trả đủ; Hợp đồng góp vốn số 43/2018-HĐGV lập ngày 08/8/2018, Hợp đồng thuê xe số 38/2018/HĐTX-CTCP lập ngày 08/8/2018 giữa anh Nguyễn Việt H và Công ty X; Bản cam kết lập ngày 18/6/2019, nội dung thể hiện ông Nguyễn Thái B cam kết đã nhận góp vốn của anh Nguyễn Việt H; Hợp đồng mua bán xe ô tô lập ngày 28/12/2018 giữa ông Nguyễn Thái B và ông Bùi Xuân C - Ký hiệu từ A1 đến All với các mẫu so sánh là Biên bản ghi lời khai và bản tự khai của Nguyễn Thái B lập ngày 23/8/2019- Ký hiệu M1, M2 có phải do cùng một người ký, viết ra?

Ngày 16/01/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La ban hành kết luận giám định số 226, kết luận:

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Thái B trên các mẫu cần giám ký hiệu từ A1 đến A11 so với chữ ký của Nguyễn Thái B trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký ra;

+ *Chữ viết trên các mẫu giám định ký hiệu A7, A10 và phần chữ viết tay có nội dung “**Đăng ký xe gốc đang bị mất bên bán sẽ hoàn thiện đầy đủ trả cho bên mua**” trên mẫu cần giám định A11 so với chữ viết của Nguyễn Thái B trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết ra.*

- Căn cứ Quyết định trưng cầu giám định số 59/QĐ-CSHS ngày 27/5/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC02) Công an tỉnh Sơn La về chữ ký, chữ viết trên các mẫu giám định: Hợp đồng góp vốn số 09/2018-HĐGV lập ngày 07/02/2018 giữa ông Trần Huy K và Công ty X Sơn La; 09 Phiếu thu tiền của Công ty X đối với Trần Huy K; Biên bản làm việc lập ngày 31/5/2018 giữa ông Nguyễn Thái B với ông Phạm Ngọc S, mặt sau có 07 phần chữ viết tay nội dung xác nhận “cháu B” đã nhận tiền của “chú S”; Hợp đồng cầm đồ lập ngày 11/01/2013 giữa Lê Thị Lợi và Phạm Văn S với Nguyễn Thái B; Giấy cam kết

trả nợ lập ngày 06/6/2013, nội dung Nguyễn Thái B cam kết trả nợ cho ông Phạm Văn S; Phiếu thu tiền lập ngày 02/4/2019, nội dung thể hiện Công ty X thu của ông Lương Văn T số tiền 8.500.000 đồng; Giấy hẹn trả nợ, nội dung thể hiện Nguyễn Thái B hẹn đến ngày 12/7/2019, sẽ trả ông Cà Văn X số tiền nợ 10.000.000 đồng - Ký hiệu A12 đến A26 với Mẫu so sánh là Biên bản hỏi cung, bản tự khai của Nguyễn Thái B lập ngày 23/3/2020, 16/4/2020 - Ký hiệu M3 đến M6 có phải do một người ký, viết ra.

Ngày 23/6/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La ban hành kết luận giám định số 1035, kết luận:

+ Chữ viết trên các mẫu giám định ký hiệu A13 trừ chữ viết **“Trần Huy K”** dưới mục **“Người nộp tiền”**; A22 chữ viết mang tên **“Ng~ Thái B”** dưới mục **“Ký nhận”, “Ký nhận tiền”, “Ng` nhận”**, phần chữ viết có nội dung **“15/11/2020/2017 cháu B nhận 40000000 đồng(bốn mươi triệu) của chú S nộp vào tiền xe: 26H- 02845 “Ng nhận”**; A23 mặt sau: chữ viết **“Ng~ Thái B”** mặt trước trừ chữ viết **“Đậu Xuân Tr”, “Phạm Ngọc S”**; A24; A25 trừ chữ viết **“Th”, “Lương Văn T**; mặt trước mẫu A26 so với chữ viết của Nguyễn Thái B trên các mẫu so sánh M3, M4, M5, M6 là do cùng một người viết ra;

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Thái B trên các mẫu cần giám định ký hiệu A12, A13, A4, A21, A2, A23, A24, A25, A26 là chữ ký trực tiếp. Chữ ký mang tên Nguyễn Thái B trên các mẫu cần giám định A15, A16, A17, A18, A19, A20 không phải chữ ký trực tiếp, là chữ ký đóng dấu;

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Thái B trên các mẫu giám định ký hiệu A12, A13, A14, A21, A22, A23, A24, A25, A26 so với chữ ký của Nguyễn Thái B trên các mẫu so sánh M3, M4, M5, M6 là do cùng một người ký ra;

+ Người có chữ ký Nguyễn Thái B trên các mẫu so sánh M3, M4, M5, M6 không ký ra chữ ký mang tên Nguyễn Thái B trên các mẫu cần giám định ký hiệu A15, A16, A17, A18, A19, A20.

Căn cứ Quyết định trưng cầu giám định số 59/QĐ-CSHS ngày 27/5/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La về việc so sánh các dấu vân tay trên mẫu cần giám định: danh bản, chỉ bản số 08 do Công an huyện V, tỉnh Sơn La lập ngày 15/01/2020 mang tên Nguyễn Thái B với mẫu so sánh: danh bản, chỉ bản số TX1394 do Công an thị xã S, tỉnh Sơn La lập ngày 28/6/2008 mang tên Nguyễn Thái B. Ngày 16/01/2020 Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an ra Kết luận giám định số 388/C09-P3 về danh chỉ bản của Nguyễn Thái B (nhằm xác định mâu thuẫn về nhân thân Nguyễn Thái B so với tiền án năm 2008):

“Dấu vân tay in trên danh chỉ bản số 08 do Công an huyện V, tỉnh Sơn La lập ngày 15/01/2020 ghi tên Nguyễn Thái, sinh năm 1977, nơi ĐKTT: Bản C, phường Chiềng An, thành phố S, tỉnh Sơn La với dấu vân tay in trên danh chỉ bản TX1394 do Công an thị xã S, tỉnh Sơn La lập ngày 26/08/2008 ghi tên Nguyễn Thái B, sinh năm 1976, nơi ĐKTT: Tổ 3, phường TH, thị xã S, tỉnh Sơn La là của cùng một người”.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thái B khai nhận:

Do gặp khó khăn về tài chính, bản thân lâm vào tình trạng vay nợ nhiều người, cần tiền để chi tiêu cá nhân và trả nợ; là Giám đốc Công ty X, có uy tín với những người đã góp vốn hoặc là lái xe taxi thuộc Công ty nên B đã dùng thủ đoạn gian dối hoặc có được tiền, tài sản của các bị hại hợp pháp, sau đó chiếm đoạt. Lời khai Nguyễn Thái B phù hợp với lời khai bị hại, ông Lê Văn Công (Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty X), các tổ chức, cá nhân liên quan gồm: Ngân hàng Y; Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Sơn La; Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Sơn La; Cục Thuế tỉnh; Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Sơn La; bà Hà Vinh H (vợ cũ của Nguyễn Thái B); ông Bùi Xuân C (người mua xe 26A-039.47 do B bán). B khai thừa nhận bản thân đã ký, viết trên các tài liệu, giấy tờ mua, bán, thuê xe, giấy biên nhận nợ Cơ quan điều tra thu thập được. Riêng 06 tờ phiếu thu tiền do Trần Huy K nộp thì chữ ký của Nguyễn Thái B là chữ ký đóng dấu, B thừa nhận đã tự khắc dấu chữ ký của mình và trực tiếp đóng vào các tài liệu đó.

Kết quả giải quyết tố giác của các công dân khác đối với Nguyễn Thái B:

- Ngoài nội dung tố giác Nguyễn Thái B chiếm đoạt số tiền 110.000.000đ nêu trên, ông Phạm Văn S còn tố giác Nguyễn Thái B chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng: Ngày 11/01/2013, B vay của ông S số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), thời hạn đến ngày 30/11/2013. Ngày 04/02/2013, B trả cho ông S 30.000.000 đồng. Thời điểm đó Nguyễn Thái B đang sở hữu chiếc xe taxi biển kiểm soát 26A-000.37 đăng ký tên Công ty M bằng hình thức góp vốn vào công ty số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để nhận chiếc xe trên trị giá 320.000.000 đồng, số tiền còn lại được thế chấp chiếc xe vay nợ ngân hàng trả góp hàng tháng. Đến ngày 19/7/2013, Nguyễn Thái B còn nợ tiền đàm của Công ty M 49.363.000 đồng và nợ tiền ông Phạm Văn S nên đã thanh lý hợp đồng và chuyển nhượng xe taxi cho cho ông Hoàng Hồng QQ, trú tại Tổ 12, phường QT, thành phố S để trừ nợ cho Công ty và ông S, B trực tiếp giao xe cho ông Nguyễn Đức Th - Chủ tịch Hội đồng quản trị, chủ trì việc chuyển nhượng hợp đồng. Tuy nhiên, khi chuyển nhượng hợp đồng cho ông Quảng thì tiền thanh lý hợp đồng của B chỉ còn 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đủ trả nợ cho Công ty, không đủ trả nợ cho ông S nhưng ông Th không thông báo cho B biết việc không đủ trả nợ cho ông S. Sau đó, ông S cũng không hỏi, đòi B về khoản nợ trên nên B nghĩ là khoản nợ 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) của ông S đã được thanh toán từ việc thanh lý hợp đồng xe taxi 26A-000.37 mà không hỏi lại ông S nữa. Đến khi ông S làm đơn tố giác, B mới biết vẫn còn nợ ông S số tiền trên. Việc Nguyễn Thái B chưa trả nợ cho ông S do khách quan, không gian dối hoặc cố tình không trả; không có ý thức chiếm đoạt số tiền đó. Căn cứ tài liệu đã thu thập, đủ cơ sở kết luận việc Nguyễn Thái B vay nợ ông Phạm Văn S 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) là giao dịch dân sự, không có dấu hiệu tội phạm.

- Ông Lương Văn T, sinh năm 1986, trú tại bản E, xã CĐ, thành phố S tổ giác Nguyễn Thái B chiếm đoạt số tiền 9.500.000 đồng: Tháng 12/2015, ông T mua một chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10 và hợp đồng góp vốn vào Công ty X Sơn La để chạy taxi, xe đăng ký tên Công ty, biển kiểm soát 26A-039.61. Tháng 3/2018, ông T có nhu cầu chuyển đăng ký xe sang tên cá nhân nên đã tìm gặp Nguyễn Thái B, thỏa thuận nhờ xuất hóa đơn giá trị gia tăng để làm thủ tục chuyển đăng ký sang tên mình nhưng do thời điểm đó Công ty đang nợ thuế nên Cục Thuế tỉnh Sơn La không cấp hóa đơn cho Công ty, không xuất hóa đơn được. B trao đổi với ông T là sẽ liên hệ với Cục Thuế để yêu cầu xuất hóa đơn riêng cho chiếc xe của T, nếu được thì tiền thuế ông T phải nộp khoảng hơn mười triệu đồng. Ông T đồng ý và đưa trước 5.000.000 đồng cho B. Nguyễn Thái B đã liên hệ với Cục Thuế, yêu cầu cấp hóa đơn cho ông T nhưng không được chấp nhận nên B thỏa thuận lại với ông T là sẽ tìm mua hóa đơn của Công ty khác, lấy tên Công ty X, xuất hóa đơn bán xe cho ông T, đồng thời yêu cầu đưa thêm tiền, ông T đồng ý và đưa thêm cho B 3.500.000 đồng, bốn hôm sau tiếp tục đưa cho B thêm 1.000.000 đồng nữa. Sau khi nhận tiền, B liên hệ một số nơi tìm mua hóa đơn nhưng không mua được. Đến tháng 6/2018, B bị miễn nhiệm chức Giám đốc Công ty nên không thực hiện được việc xuất hóa đơn cho T và thỏa thuận sẽ trả lại tiền nhưng khi đó lâm vào tình trạng kinh tế khó khăn nên chưa trả được tiền cho ông T thì bị bắt. Việc Nguyễn Thái B nhận tiền của ông Lương Văn T để xuất hóa đơn GTGT cho chiếc xe 26A-039.61 là thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không xuất được hóa đơn do khách quan, B đã trao đổi lại và hai bên thỏa thuận sẽ trả lại tiền. Do đó, Nguyễn Thái B nợ Lương Văn T số tiền 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng) là giao dịch dân sự, không có dấu hiệu tội phạm.

- Ông Quảng Văn Q, sinh năm 1965, trú tại bản CP, xã CN, thành phố S tổ giác Nguyễn Thái B chiếm đoạt số tiền 33.000.000đ (ba mươi ba triệu đồng): Ông Q có một chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10 biển kiểm soát 26A-063.62, hợp đồng góp vốn vào Công ty X chạy taxi nên có quen biết B. Ngày 18/4/2019, B trao đổi với Q, nhờ thế chấp Giấy đăng ký xe ô tô của Q vay hộ B số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sử dụng giải quyết việc cá nhân, Q đồng ý. B đưa Q đến cửa hàng cầm đồ “Thanh Thức” nằm trên đường Trường Chinh, thành phố S làm thủ tục thế chấp Giấy đăng ký xe ô tô 26A-063.62 để vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), đưa cho B. Thời gian sau đó, B tự trả tiền lãi cho cửa hàng cầm đồ (không nhớ lãi suất bao nhiêu). Đến tháng 6/2019, B bị miễn nhiệm chức Giám đốc Công ty, ông Q yêu cầu B trả tiền cho cửa hàng cầm đồ, lấy đăng ký xe về nhưng do lâm vào tình trạng kinh tế khó khăn, B chưa trả được nợ để lấy đăng ký xe về trả cho ông Q. Tháng 7/2019, sợ bị mất đăng ký xe nên ông Q đã bỏ tiền của mình, tự trả nợ cho cửa hàng cầm đồ tổng số 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng), gồm 30.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi để lấy lại Giấy đăng ký xe rồi gặp Nguyễn Thái B, thỏa thuận B phải chịu trách nhiệm trả lại cho ông Q số tiền 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng) trên. B chưa trả được tiền cho ông Q thì bị bắt, không có

ý thức chiếm đoạt tiền của ông Q. Việc Nguyễn Thái B nhờ Quảng Văn Q thế chấp Giấy đăng ký xe ô tô vay tiền hộ nhưng sau đó chưa trả nợ được cho ông Q là giao dịch dân sự, không cấu thành tội phạm.

Ông Cà Văn X, sinh năm 1984, trú tại bản Sg (nay là Tổ 17), phường CS, thành phố S tố giác Nguyễn Thái B chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng): Quen biết với B do ông X là lái xe taxi Công ty X. Vào buổi sáng một ngày trong tháng 5/2019, B mang xe ô tô (của cá nhân góp vốn vào Công ty để chạy taxi nhưng không nhớ là ai) đến Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 26.01D tại bản NL, phường CS, thành phố S để đăng kiểm nhưng do thiếu tiền nộp lệ phí đăng kiểm, phí lắp đặt thiết bị định vị và phí đường bộ nên B hỏi vay tiền của ông X. Ông X đã cho B vay 03 lần tổng số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Sau khi nhận tiền, B sử dụng nộp tiền đăng kiểm xe. Đến tháng 6/2019, B bị miễn nhiệm chức Giám đốc, ngày 09/7/2019, B viết một giấy hẹn trả nợ, đưa X giữ nhưng chưa trả tiền cho X thì bị bắt; không có ý thức chiếm đoạt tiền của X. Việc vay mượn tiền giữa Nguyễn Thái B và Cà Văn X là giao dịch dân sự, không cấu thành tội phạm.

Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Trần Huy K yêu cầu Nguyễn Thái B trả lại 217.890.000 đồng. Gồm: 133.000.000 đồng đưa cho Nguyễn Thái B để mua chiếc xe ô tô 26A-039.47 và 84.890.000 đồng đưa cho Nguyễn Thái B để trả góp hàng tháng chiếc xe 26A-042.37.

- Anh Nguyễn Việt Hyêu cầu Nguyễn Thái B trả lại số tiền 200.000.000 đồng.

- Ông Lâu A P yêu cầu Nguyễn Thái B trả lại số tiền 55.000.000 đồng.

- Ông Phạm Ngọc A yêu cầu Nguyễn Thái B bồi thường số tiền 50.000.000 đồng ông Ngọc A đưa cho ông Bùi Xuân C để chuộc xe ô tô và số tiền thuê xe ô tô trong 08 tháng mà Nguyễn Thái B chưa trả là 56.000.000 đồng. Tổng số tiền ông Phạm Ngọc A yêu cầu bồi thường là 106.000.000 đồng.

- Ông Phạm Văn S yêu cầu Nguyễn Thái B trả lại số tiền 110.000.000 đồng.

- Ông Bùi Xuân C yêu cầu Nguyễn Thái B trả lại số tiền thiệt hại còn lại 230.000.000 đồng Nguyễn Thái B đã nhận của ông C từ việc bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 26A-039.47.

- **Các trường hợp:** Ông Phạm Văn S yêu cầu B trả lại 50.000.000 đồng; ông Lương Văn T yêu cầu B trả lại 9.500.000 đồng, ông Quảng Văn Q yêu cầu B trả lại 33.000.000 đồng, ông Cà Văn X yêu cầu B trả lại 10.000.000 đồng. Xét thấy, đây là những giao dịch dân sự ngay thẳng giữa các bên, không liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Thái B. Do vậy, không xem xét giải quyết trong vụ án này, có thể khởi kiện theo Tố tụng dân sự (Khi có yêu cầu).

Do có hành vi nêu trên, tại cáo trạng số 95/CT-VKS-P3 ngày 25/8/2020

của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Nguyễn Thái B về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 174 và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Thái B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã quy kết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thái B phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; khoản 3 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm c, g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự:

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thái B từ 11 đến 12 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thái B từ 08 đến 09 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội danh bị cáo phải chấp hành từ 19 đến 21 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thái B phải bồi thường cho bị hại ông Phạm Ngọc A số tiền 106.000.000 đồng; bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân C số tiền 230.000.000 đồng; bồi thường cho bị hại ông Phạm Văn S số tiền 110.000.000 đồng; bồi thường cho bị hại ông Trần Việt H số tiền 200.000.000 đồng; bồi thường cho bị hại ông Trần Huy K số tiền 195.483.125 đồng; bồi thường cho bị hại ông Lầu A P số tiền 55.000.000 đồng.

- Buộc Công ty X có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trần Huy K số tiền 14.678.125 đồng.

- Ý kiến của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bị hại ông Trần Huy K yêu cầu bồi thường tổng số tiền là 210.161.250 đồng, trong đó: Yêu cầu bị cáo Nguyễn Thái B bồi thường số tiền là 195.483.125 đồng; Yêu cầu Công ty X hoàn trả số tiền 14.678.125 đồng. Ngoài ra ông K còn yêu cầu bị cáo Nguyễn Thái B phải hoàn trả số tiền 30.000.000 đồng ông K xác định đã đưa cho bị cáo B để B lấy chiếc xe ô tô có biển kiểm soát 26A - 043.44 trong vụ án Đậu Xuân Tr giải quyết trước đó.

+ Bị hại anh Nguyễn Việt H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 200.000.000 đồng.

+ Bị hại ông Lầu A P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 55.000.000 đồng.

+ Bị hại ông Phạm Văn S yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 190.000.000 đồng, trong đó: 110.000.000 đồng tiền B không trả cho khoản nợ của chiếc xe 26A-026.45, 50.000.000 đồng tiền B nợ trước đó.

+ Bị hại ông Phạm Ngọc A yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 106.000.000 đồng.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân C vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 230.000.000 đồng.

- Đối với số tiền 30.000.000 đồng theo yêu cầu của ông Trần Huy K và 50.000.000 đồng theo yêu cầu của ông Phạm Văn S, bị cáo xác định đây là các giao dịch dân sự, không liên quan đến hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo. Bị cáo Nguyễn Thái B nhất trí với các yêu cầu bồi thường còn lại của người bị hại cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện theo pháp luật của Công ty X nhất trí với yêu cầu của ông Trần Huy K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên trong quá trình điều tra; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2018 đến tháng 5/2019, Nguyễn Thái B đã dùng thủ đoạn gian dối, sử dụng danh nghĩa Giám đốc, uy tín của Công ty X và các mối quan hệ bản thân, đưa ra thông tin gian dối để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Trần Huy K 133.000.000đ, anh Nguyễn Việt H 200.000.000đ và ông Lầu A P 55.000.000đ, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của 03 bị hại là 388.000.000 đồng.

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2018 đến tháng 8/2018, Nguyễn Thái B đã 08 lần nhận tiền của ông Trần Huy K tổng cộng là 77.161.250đ để trả nợ tiền vay thế chấp (xe ô tô Biển kiểm soát 26A-042.37 ông K mua của B) tại Ngân hàng Z. B không trả nợ Ngân hàng mà tự ý lấy 14.678.125 đ chi phí cho hoạt động chung của Công ty, số tiền còn lại 62.483.125đ B chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân.

Trong khoảng thời gian từ ngày 31/5/2018 đến ngày 23/01/2019, Nguyễn Thái B đã 07 lần nhận tiền của ông Phạm Văn S tổng cộng 130.000.000đ để trả nợ tiền vay thế chấp (xe ô tô Biển kiểm soát 26A-026.45) tại Ngân hàng Y. B chỉ trả nợ Ngân hàng 20.000.000đ còn 110.000.000đ B chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân.

Ngày 02/02/2018, Nguyễn Thái B lấy danh nghĩa Giám đốc Công ty, ký Hợp đồng số 19/2018/HĐTX-CTCP với ông Phạm Ngọc A, thỏa thuận thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10, biển kiểm soát 26A-039.47 là tài sản của ông Ngọc A nhưng đăng ký tên Công ty X, đang thế chấp tại Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Sơn La vay số tiền 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) để sử dụng cá nhân, giá thuê xe 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng)/tháng. Ngày 28/12/2018, B bán chiếc xe trên cho ông Bùi Xuân C trú tại tổ 9, phường CL, thành phố S với giá 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng). Đến tháng 9/2019, ông Ngọc A phát hiện B bán xe cho ông C, ông Ngọc A đã thỏa thuận trả cho ông C 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để nhận lại chiếc xe trên. Hiện ông Ngọc A đã trả nợ ngân hàng, lấy giấy tờ xe và làm thủ tục chuyển đăng ký sang tên Phạm Ngọc A và đang quản lý, sử dụng. Kết quả định giá tài sản xe ô tô biển kiểm soát 26A-039.47 tại thời điểm B bán cho ông C có trị giá là 206.600.000đ.

Như vậy, khi được 03 bị hại là ông Trần Huy K, ông Phạm Văn S, ông Phạm Ngọc A tin tưởng, giao tài sản hoặc chuyển tiền để trả nợ cho ngân hàng, bị cáo đã chiếm đoạt, chi tiêu cá nhân với tổng giá trị tài sản là 378.483.125 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Đơn tố giác tội phạm của ông Trần Huy K, Phạm Ngọc A, Phạm Văn S, Nguyễn Việt H, Lâu A P tố giác Nguyễn Thái B về hành vi chiếm đoạt tài sản tới các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

- Biên bản bắt người đang bị truy nã lập hồi 18 giờ 30 phút ngày 07/01/2020 tại bản C, phường Chiềng An, thành phố S, tỉnh Sơn La đối với Nguyễn Thái B theo Quyết định truy nã số 01/QQĐ-CQĐT ngày 06/01/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Sơn la.

- Kết luận số 02/KL-HĐĐG ngày 15/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận giá trị chiếc xe Hyundai Grand i10 của ông Phạm Ngọc A tại thời điểm Nguyễn Thái B bán cho ông Bùi Xuân C có giá 206.600.000 đồng (hai trăm linh sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng)

- Kết luận giám định số 226 ngày 16/01/2020, Kết luận giám định số 1035 ngày 23/6/2020 xác định các chữ ký đề tên Nguyễn Thái B, chữ viết trong các hợp đồng góp vốn, biên bản bàn giao xe, hợp đồng thuê xe, giấy vay tiền, bản cam kết, hợp đồng mua bán xe, biên bản làm việc, giấy hẹn trả nợ giữa Nguyễn Thái B và các bị hại, người liên quan do bị hại, người liên quan giao nộp đều là chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thái B.

- Lời khai thừa nhận hành vi phạm tội của Nguyễn Thái B tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án thể hiện việc bị cáo Nguyễn Thái B đã sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác và lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại giao tài sản, tiền cho mình sau đó đã chiếm đoạt tiền, tài sản, sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân.

Với các căn cứ chứng minh trên, có đủ cơ sở kết luận hành vi của Nguyễn Thái B đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 175 Bộ luật Hình sự.

[3] Về khung hình phạt áp dụng:

Bị cáo Nguyễn Thái B đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 03 bị hại là ông Trần Huy K, anh Nguyễn Việt H và ông Lầu A P với tổng số tiền 388.000.000 đồng, đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017; khung hình phạt có mức hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù.

Bị cáo Nguyễn Thái B đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của 03 bị hại là ông Trần Huy K, ông Phạm Văn S, ông Phạm Ngọc A với tổng giá trị tài sản là 378.483.125 đồng, đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt “*Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm*” quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

[4] Tổng hợp hình phạt:

Do bị cáo phạm nhiều tội và bị Tòa án xét xử cùng 01 lần nên cần áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Nhân thân: Năm 2008, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc (Đã được xóa án tích)

Tình tiết tăng nặng:

- Bị cáo Nguyễn Thái B với tư cách là Giám đốc Công ty X đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn, uy tín của công ty để thực hiện, lập các hợp đồng trái pháp luật để phục vụ cho hành vi phạm tội, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Thái B nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt

tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đối với nhiều bị hại, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng huân chương chiến công và huân chương kháng chiến hạng nhất, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các công dân khác. Do đó, cần phải có bản án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đảm bảo răn đe, phòng ngừa chung và giáo dục riêng, cũng phù hợp với đề nghị về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, lẽ ra bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung (*phạt tiền hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*) theo quy định tại khoản 5 Điều 174 và khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự, xét thấy bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung (Phạt tiền) và không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung khác do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

[8.1] Ông Phạm Ngọc A yêu cầu bị cáo phải bồi thường 50.000.000 đồng ông Ngọc A đã trả cho ông Bùi Xuân C để chuộc xe ô tô và số tiền thuê xe ô tô trong 08 tháng mà bị cáo chưa trả là 56.000.000 đồng. Tổng số tiền ông Phạm Ngọc A yêu cầu bồi thường là 106.000.000 đồng. Xét yêu cầu bồi thường của ông Phạm Ngọc A là có căn cứ, cần chấp nhận.

[8.2] Ông Bùi Xuân C yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 230.000.000 đồng là tiền bị cáo đã nhận của ông C từ việc bị cáo bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 26A-039.47 (không phải là tài sản hợp pháp của bị cáo). Xét yêu cầu bồi thường của ông Bùi Xuân C là có căn cứ, cần chấp nhận.

[8.3] Ông Phạm Văn S yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 110.000.000 đồng là tiền ông S đưa cho bị cáo để thực hiện việc thanh toán nợ Ngân hàng nhưng bị cáo đã không sử dụng đúng như thỏa thuận với ông S mà dùng để chi tiêu cá nhân. Xét yêu cầu bồi thường của ông Phạm Văn S là có căn cứ, cần chấp nhận.

[8.4] Ông Trần Huy K yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 217.890.000 đồng. Trong đó 133.000.000 đồng là tiền đưa cho Nguyễn Thái B để mua chiếc xe ô tô 26A-039.47 và 84.890.000 đồng đưa cho Nguyễn Thái B để trả góp hàng tháng chiếc xe 26A-042.37.

Kết quả điều tra xác định, ông Trần Huy K đã giao cho bị cáo Nguyễn Thái B 133.000.000 đồng tiền mua chiếc xe 26A-039.47 (không thuộc sở hữu hợp pháp của Nguyễn Thái B).

Đối với yêu cầu bồi thường số tiền 84.890.000 đồng. Căn cứ phiếu thu do ông Trần Huy K giao nộp cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định từ tháng 02/2018 đến tháng 08/2018, Nguyễn Thái B đã nhận của ông Trần Huy K tổng số tiền là 83.761.250 đồng, trong đó số tiền thương hiệu, duy trì định vị là 6.600.000 đồng, còn 77.161.250 đồng là tiền ông K nộp cho B để trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng góp vốn số 09/2018/HĐGV ngày 07/02/2018. Đối với số tiền trên, bị cáo thừa nhận đã không thực hiện việc trả nợ thế chấp ngân hàng mà bị cáo đã dùng số tiền ông K trả nợ gốc và lãi trong tháng 5- 6/2018 là 14.678.125đ để chi phí cho hoạt động Công ty X, số còn lại là 62.483.125 đồng bị cáo đã chi tiêu cá nhân. Đối với số tiền 14.678.125đ đã được sự xác nhận của Công ty X về việc liên quan đến số tiền trên được bị cáo Nguyễn Thái B sử dụng việc chi trả khoản tiền trên cho hoạt động chung của Công Ty. Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường của ông Trần Huy K, cụ thể: Cần buộc bị cáo Nguyễn Thái B phải bồi thường số tiền là 62.483.125 đồng cho ông K; Buộc Công ty X có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trần Huy K số tiền 14.678.125đ.

Như vậy tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thái B phải bồi thường cho ông Trần Huy K là 195.483.125đ. Số tiền Công ty X phải hoàn trả cho ông Trần Huy K là 14.678.125đ.

[8.5] Ông Lầu A P yêu cầu Nguyễn Thái B trả lại số tiền 55.000.000 đồng mà ông P đã đưa cho bị cáo Nguyễn Thái B để bị cáo thực hiện việc xin lại chiếc xe ô tô đang bị tạm giữ nhưng bị cáo không thực hiện mà chiếm dụng để chi tiêu cá nhân. Xét yêu cầu bồi thường của ông Lầu A P là có căn cứ, cần chấp nhận.

[8.6] Anh Nguyễn Việt H yêu cầu Nguyễn Thái B bồi thường số tiền 200.000.000 đồng tiền B bán xe ô tô Biển kiểm soát 26A-039.47 của ông Phạm Ngọc A. Xét yêu cầu bồi thường của anh Nguyễn Việt H là có căn cứ, cần chấp nhận.

[9] Đối với các tố giác và yêu cầu bồi thường của công dân khác đối với Nguyễn Thái B:

Ông Lường Văn T, sinh năm 1986, trú tại bản TC, xã CĐ, thành phố S tố giác bị cáo Nguyễn Thái B có hành vi chiếm đoạt tài sản và yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 9.500.000 đồng; Ông Quảng Văn Q, sinh năm 1965, trú tại bản CP, xã CN, thành phố S tố giác và yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền số tiền 33.000.000đ (ba mươi ba triệu đồng); Ông Cà Văn X, sinh năm 1984, trú tại bản

Sg (nay là Tô 17), phường CS, thành phố S tố giác và yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); Ông Trần Huy K (bị hại trong vụ án) còn yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 30.000.000 đồng; ông Phạm Văn S (bị hại trong vụ án) còn yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 50.000.000 đồng; Quá trình điều tra xác định đây là các giao dịch dân sự giữa bị cáo và các ông Trần Huy K, Phạm Văn S, Lương Văn T, Quàng Văn Q và Cà Văn X. Việc bị cáo B chưa trả được nợ là do khách quan, không gian dối hoặc cố tình không trả, không có ý thức chiếm đoạt những số tiền nêu trên, do đó không cấu thành tội phạm. Việc Cơ quan điều tra không khởi tố, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La không truy tố bị cáo Nguyễn Thái B liên quan đến các giao dịch trên là có căn cứ, đúng quy định. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Các ông Trần Huy K, Phạm Văn S, Lương Văn T, Quàng Văn Q và Cà Văn X có thể khởi kiện yêu cầu bồi thường theo trình tự, thủ tục Tố tụng dân sự.

[10] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm c, g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thái B phạm các tội: Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái B 11 (mười một) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái B 08 (tám) năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội bị cáo phải chấp hành là 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 07/01/2020).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thái B phải bồi thường cho bị hại ông Trần Huy K 195.483.125 đồng, làm tròn 195.483.000đ (Một trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thái B phải bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Việt H200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thái B phải bồi thường cho bị hại ông Lâu A P 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thái B phải bồi thường cho bị hại ông Phạm Ngọc A 106.000.000đ (Một trăm linh sáu triệu đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thái B phải bồi thường cho bị hại ông Phạm Văn S 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thái B phải bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân C 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng).

- Buộc Công ty X có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trần Huy K 14.678.125 đồng, làm tròn: 14.678.000đ (Mười bốn triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Nguyễn Thái B phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 38.894.000đ (ba mươi tám triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, tổng cộng: 39.094.000đ (ba mươi chín triệu không trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Buộc Công ty X phải chịu 733.000đ (bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày

18/9/2020).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Phòng PC04-Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; Luật sư;
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quản Hữu Chiến